

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2019/HNGĐ- ST**
Ngày 07 tháng 6 năm 2019
“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Doãn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Thế Hạp

2. Ông Hoàng Văn Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nông Ích Bộ - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Hoàng Thị L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Khu 6 xóm C, xã T, huyện TS, tỉnh P.

(Có mặt)

2. *Bị đơn:* Hoàng Văn H, sinh năm 1989; Địa chỉ: xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh C;

(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Hoàng Văn H có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 14 tháng 02 năm 2017 mà không tổ chức lễ cưới.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được 03 tháng tại xóm Đ, xã P, huyện T, tỉnh C, đến ngày 20/5/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H mắc nghiện ma túy, chị L đã khuyên bảo nhiều nhưng anh không nghe, đến ngày 10/7/2017 anh H đã bỏ nhà đi, từ khi anh H bỏ đi chị L cũng chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở Phú Thọ sinh sống cho đến nay. Trong thời gian từ 7/2017 chị vẫn thường xuyên hỏi thăm, L lạc với nhà anh H nhưng không L lạc được với anh H. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh H, hạnh phúc gia đình không đạt được, nên chị và anh H không còn chung sống với nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có

Chị Hoàng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn H.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Hoàng Văn H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án triệu tập họp lệ bị đơn 02 lần để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn đã được triệu tập họp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật đang tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định. Đối với

nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn Hoàng Văn H chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị L.

Kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tố tụng bị đơn không tham gia; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nên xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Văn H, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 14/02/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

[3] Xét lý do xin ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn chị L và anh H chung sống với nhau từ tháng 02/2017 đến tháng 07/2017 gần 05 tháng. Tuy nhiên, chị L và anh H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 05/2017, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H mắc nghiện ma túy, chị L cho khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi vẫn lao vào con đường nghiện ngập, hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị L cũng không biết hiện nay anh H đang sinh sống ở đâu, anh chị không còn sống chung với nhau từ tháng 07/2017 cho đến nay. Tòa án cũng triệu tập chị L và anh H 03 lần để hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh H không có mặt để Tòa án hòa giải đoàn tụ, anh H cũng không có ý kiến gì về việc chị L xin ly hôn, cho thấy anh H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị L và

anh H cũng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh H không có con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Đối với quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 127 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị L là người có đơn vị ly hôn, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị L và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Hoàng Văn H.
2. Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002161, ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/6/2019). Riêng anh Hoàng Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa Dân sự TAND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh CB;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Doãn Trường